TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2022/HS-ST
Ngày 20-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn.
2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Thắng; Bà Dương Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo: Lục Văn G - Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1987, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Ngạn; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: **Đảng viên**: Quyết định Đình chỉ sinh hoạt đảng số: 51- QĐ/UBKT ngày 14/02/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy V, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lục Thế T - Sinh năm: 1952; Con bà: Long Thị L - Sinh năm: 1952; Vợ: Vi Thị L - Sinh năm: 1987; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt

Bị cáo G đang tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 12/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt.

2. Bị cáo: Triệu Văn D- Sinh ngày 07 tháng 9 năm 2000, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Khuổi Niềng, xã Kim L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn H - Sinh năm: 1984; Con bà: Triệu Thị M - Sinh năm: 1982; Vợ: Phùng Thị K - Sinh năm: 2000; Con: 01 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo D bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt.

3. Bị cáo: La Thanh H - Sinh ngày 06 tháng 5 năm 1989, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: La Văn T - Sinh năm: 1956 (đã chết); Con bà: Ban Thị H - Sinh năm: 1959; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/8/2020 bị Công an xã Kim L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" với số tiền phạt 1.000.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo H bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 14/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt.

4. Bị cáo: Lục Văn C - Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1992, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lục Văn M - Sinh năm: 1963; Con bà: Lý Thị C - Sinh năm: 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo C bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 15/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt.

5. Bị cáo: Vi Văn Ng - Sinh ngày 24 tháng 8 năm 1988, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Bản Mạ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn C - Sinh năm: 1959; Con bà: Hoàng Thị C - Sinh năm: 1960; Vợ: Lý Thị Th, sinh năm 1999; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011 (là con riêng của Nguyên với vợ thứ nhất là Lý Thị H, sinh năm 1987, đã lý hôn năm 2017), con nhỏ nhất sinh năm 2019 (là con của Ng với vợ thứ hai là Lý Thị Th, kết hôn năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/12/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng về tội "Đánh bạc", bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo Ng bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 16/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt.

6. Bị cáo: Ban Văn T - Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1981, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ban Văn N - Sinh năm: 1959; Con bà: Hoàng Thị M - Sinh năm: 1959; Vợ: Phàn Thị N, sinh năm 1983; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo T bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 được tại ngoại, áp dụng theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 17/2022/HSST-QĐ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Vi Thị Th, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Bản Mạ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Tỉnh Hà G, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Bản Mạ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh Hoàng Quốc K, sinh năm 1993. Vắng mặt;

Anh La Văn D, sinh năm 1977. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 22 giờ ngày 17/01/2022, Lục Văn G, s*inh năm: 1987; HKTT: thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H*; Lục Văn C, s*inh năm: 1992; HKTT: thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H*; Triệu Văn D, s*inh năm: 2000; HKTT: thôn Khuổi Niềng, xã Kim L, huyện V, tỉnh H*; Vi Văn Ng, s*inh năm: 1988; HKTT: thôn Bản Mạ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H*; Hoàng Quốc K, s*inh năm: 1993; HKTT: thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H* và La Văn D, s*inh năm: 1977; HKTT: thôn Lùng Bẻ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H*, cùng nhau đến quán của gia đình Tỉnh Hà G, *sinh năm: 1984* ở thôn Bản Mạ, xã Kim L, huyện V để chơi bi-a và uống nước. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, G nói mệt muốn đi ngủ, đề nghị mọi người dừng chơi bi-a, đi về để đóng cửa quán, tất cả đều đồng ý. Lúc này thấy trên bàn bi-a có 01 bộ tú lơ khơ không biết của ai để lại, G cầm lên và rủ mọi người chơi bạc, thì được C, Ng và D đồng ý, sau đó mọi người đi sang khu vực nền xi măng (*nơi trước đây gia đình G đặt máy xay sát*), ngồi xuống cùng nhau đánh bài được thua bằng tiền, hình thức chơi 03 cây. G cầm bộ tú lơ khơ lọc bỏ các quân: 10; J; Q; K, rồi trộn đều các quân còn lại và đưa cho D chia cho mỗi người 03 lá bài (*Theo lời khai của các bị can Triệu Văn D, Lục Văn C và Vi Văn Ng*), tiếp đó những người tham gia chơi cược tự do với nhau, ai thích cược với ai tùy ý, tỉ lệ được thua là 1:1. Mức tiền đặt cược không cố định, dao động từ 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) đến 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*). Sau khi đặt tiền cược với nhau xong, mọi người cùng cộng điểm 03 lá bài của mỗi người, so sánh ai cao điểm hơn là thắng và người thua phải trả tiền cho người thắng số tiền vừa cược. Trong quá trình mọi người đánh bạc thì Kh và D không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng xem. Quá trình chơi, D thua hết số tiền mang theo là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nên vay thêm của G số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) để tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì La Thanh H, s*inh năm: 1989; HKTT: thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H* và Ban Văn T, s*inh năm: 1981; HKTT: thôn Nà Thuông, xã Kim L, huyện V, tỉnh H* đến tham gia cùng mọi người đánh bạc. H chơi thua hết số tiền mang theo là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nên đã vay của C số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) để tiếp tục đánh bạc. Việc D, H vay tiền

của G và C là do hai bên tự nguyện, không tính lãi suất. Đến 00 giờ 30 phút ngày 18/01/2022, lực lượng chức năng bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.950.000đ (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) và 19 quân tú lơ khơ. D, H bị bắt tại chiếu bạc. G, Ng, C, T bỏ chạy, khi chạy G có cầm theo tiền và một số quân tú lơ khơ, số quân tú lơ khơ này G đã vứt xuống suối thôn Bản Mạ cạnh nhà của G (*Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy*), số tiền cầm theo là: 24.000đ (*Hai mươi tư nghìn đồng*), G đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/01/2022, Vi Văn Ng, Ban Văn T, Lục Văn C đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V đầu thú; Đến ngày 24/01/2022 Lục Văn G mới ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện V.

Tại bản kết luận giám định số: 61/KL-PC09, ngày 21/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H (BL 11), kết luận: 16 (*Mười sáu*) tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền cụ thể là: D có: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) vay thêm của G 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), tổng là: 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); C có 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho H vay 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nên còn: 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); H có: 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) vay thêm của C 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tổng là: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*); Ng có 550.000đ (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*); T có 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*). G có: 584.000đ (*Năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*) cho D vay 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) còn lại 84.000đ (*Tám mươi tư nghìn đồng*). Đối với số tiền: 84.000đ (*Tám mươi tư nghìn đồng*) G khai dùng để đánh bạc, G đánh 02 ván thua 60.000đ (*Sáu mươi nghìn đồng*), khi bỏ chạy cầm theo 24.000đ (*Hai mươi tư nghìn đồng*), Cơ quan CSĐT Công an huyện V không thu giữ được số tiền trên do G đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng và Ban Văn T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng và Ban Văn T đều khai nhận vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 17/01/2022, tại khu vực nền xi măng của gia đình ông Tỉnh Hà G, thuộc thôn Bản Mạ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H, Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng và Ban Văn T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức "03 cây" được thua bằng tiền,có đặt cược tự do với nhau và tùy ý đặt cược, tỉ lệ được thua là 1:1. Mức tiền đặt cược không cố định, dao động từ 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) đến 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*). Sau khi chia bài, mọi người cùng cộng điểm 03 lá bài của mỗi người, so sánh ai cao điểm hơn là thắng và người thua phải trả tiền cho người thắng số tiền vừa cược. Bị cáo G là người cầm bộ tú đưa cho bị cáo D để bị cáo D chia bài cho các bị cáo D, H, C, Ng, T và G cùng tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 5.950.000đ (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) cùng một số tang vật khác. Các bị cáo D,

H, C, Ng, T và G nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử giảm nhẹ mức án để sớm hòa nhập với cộng đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX:

1.Về tội danh: Tuyên các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng và Ban Văn T phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lục Văn G từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim L, huyện V nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điều 36, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Vi Văn Ng từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim L, huyện V nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo. Bị cáo được khấu trừ thời gian 09 ngày tạm giữ, tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điều 36, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo La Thanh H từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim L, huyện V nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo được khấu trừ thời gian 09 ngày tạm giữ, tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điều 36, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Triệu Văn D từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim L, huyện V nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo được khấu trừ thời gian 09 ngày tạm giữ, tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điều 36, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lục Văn C từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim L, huyện V nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo. Bị cáo được khấu trừ thời gian 09 ngày tạm giữ, tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điều 36, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Ban Văn T từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim L, huyện V nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo. Bị cáo được khấu trừ thời gian 09 ngày tạm giữ, tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 điều 47 BLHS; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX: Tịch thu sung quỹ nhà nước: 5.950.000đ (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*);Tịch thu tiêu hủy: 19 quân bài tú lơ khơ, mặt sau có màu xanh và in hình hoa văn.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng và Ban Văn T; quyền kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện theo quy định pháp luật.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo G, D, H, C, T không có ý kiến gì; Bị cáo Ng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp tạm giữ hình sự, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng và Ban Văn T khai nhận: vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 17/01/2022, tại khu vực nền xi măng của gia đình anh Tỉnh Hà G, thuộc thôn

Bản Mạ, xã Kim L, huyện V, tỉnh H các bị cáo G, D, H, C, Ng, T đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền Việt Nam đồng, hình thức chơi 03 cây, có đặt cược tự do với nhau và tùy ý đặt cược, tỉ lệ được thua là 1:1. Mức tiền đặt cược không cố định, dao động từ 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) đến 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*). Sau khi chia bài, mọi người cùng cộng điểm 03 lá bài của mỗi người, so sánh ai cao điểm hơn là thắng và người thua phải trả tiền cho người thắng số tiền vừa cược. Bị cáo G là người cầm bộ tú đưa cho bị cáo D để bị cáo D chia bài cho các bị cáo D, H, C, Ng, T và G cùng tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 5.950.000đ (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) cùng một số tang vật khác. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp bản cáo trạng đã truy tố. Xét thấy các bị cáo G, D, H, C, Ng, T là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo G, D, H, C, Ng, T đã thực hiện hành vi đánh bạc với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo G, D, H, C, Ng, T phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, như Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo D, H, C, T chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo thuộc hộ nghèo, dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn, do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Nguyên thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo G chưa thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận bị cáo là người khởi sướng, rủ các bị cáo còn lại đánh bạc bằng hình thức 3 cây. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo thuộc hộ nghèo, là dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[6] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo G, D, H, C, Ng, T đánh bạc với nhau bằng hình thức 3 cây, được thua bằng tiền đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng tới an ninh trật tự trên địa bàn là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn mang tính bột phát, khi các bị cáo gặp nhau tại nhà Tỉnh Hà G, bị cáo G là người khởi sướng việc đánh bạc, bằng hình thức đánh 3 cây được thua bằng tiền là người đứng đầu vụ án, bị cáo D, H, C, Ng, T cùng tham gia với vai trò đồng phạm trong vụ án đánh bạc. Xét thấy cần phải có mức án phù với vai trò của từng bị cáo tham gia đánh bạc, tuy nhiên, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để các bị cáo có thời gian rèn luyện, tu dưỡng bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung loại

tội phạm này theo quy định tại khoản 1 Điều 321; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự.

[7] Các bị cáo G, D, H, C, Ng, T thuộc hộ nghèo, không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng khấu trừ thu nhập của các bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[9] Đối với số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.950.000đ (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), xét đây là số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. (số tiền 5.950.000đ được đựng trong: 01 phong bì đã niêm phong theo quy định, kích thước 23 cm x 16 cm, bên ngoài ghi "tiền vật chứng vụ đánh bạc ngày 17/01/2022 tại xã Kim L 5.950.000đ"). *Theo biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản giữa cơ quan Công an huyện V và Kho bạc nhà nước huyện V ngày 25/01./2022.*

[10] Đối với 19 quân bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm xét không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 29/3/2022.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Tòa án xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[13] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[14] Đối với Tỉnh Hà G không biết các bị cáo đánh bạc tại khu vực quản lý của gia đình mình, không thu bất cứ lợi ích gì từ việc đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 235 đến 238) là đúng quy định của pháp luật.

[15] Đối với Hoàng Quốc Kh và La Văn D không tham gia đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL 231 đến 233) là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng, Ban Văn T phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 58; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn G 21 (hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là 09 ngày x 3 ngày cải tạo = 27 ngày. Bị cáo Triệu Văn D còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày.

Xử phạt bị cáo La Thanh H 21 (hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là 09 ngày x 3 ngày cải tạo = 27 ngày. Bị cáo La Thanh H còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 20 (hai mươi) tháng 03 (ba) ngày.

Xử phạt bị cáo Lục Văn C 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là 09 ngày x 3 ngày cải tạo = 27 ngày. Bị cáo Lục Văn C còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày.

Xử phạt bị cáo Ban Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là 09 ngày x 3 ngày cải tạo = 27 ngày. Bị cáo Ban Văn T còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn Ng 21 (hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là 09 ngày x 3 ngày cải tạo = 27 ngày. Bị cáo Vi Văn Ng còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 20 (hai mươi) tháng 03 (ba) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Bàn Văn T, Vi Văn Ng, Lục Văn C tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Kim L, huyện V, tỉnh H nhận được Bản án, Quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Bàn Văn T, Vi Văn Ng, Lục Văn C vì các bị cáo thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn không có thu nhập ổn định.

Giao bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Bàn Văn T, Vi Văn Ng, Lục Văn C về Ủy ban nhân dân xã Kim L, huyện V, tỉnh H nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục**.** Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Hủy quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.950.000đ (*Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) *(được đựng trong: 01 phong bì đã niêm phong theo quy định, kích thước 23 cm x 16 cm, bên ngoài ghi "tiền vật chứng vụ đánh bạc ngày 17/01/2022 tại xã Kim L 5.950.000). Theo biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản giữa cơ quan Công an huyện V và Kho bạc nhà nước huyện V ngày 25/01/2022.*

Tịch thu tiêu hủy 19 quân bài tú lơ khơ, mặt sau có màu xanh và in hình hoa văn, đã qua sử dụng. *(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 29/3/2022)*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lục Văn G, Triệu Văn D, La Thanh H, Lục Văn C, Vi Văn Ng, Ban Văn T

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/5/2022); Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp HG;
- Thi hành án huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân